

Số: 1723 /QĐ-SYT

Hưng Yên, ngày 06 tháng 10 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Về việc chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước
về an toàn thực phẩm

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ TỈNH HƯNG YÊN

Căn cứ Luật An toàn thực phẩm số 55/2010/QH12 ngày 17 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 148/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực Y tế;

Xét hồ sơ đăng ký chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm của Khoa Xét nghiệm - Chẩn đoán hình ảnh - Thăm dò chức năng (cơ sở 2) thuộc Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Hưng Yên; Biên bản đánh giá cơ sở kiểm nghiệm ngày 22 tháng 9 năm 2026; Hồ sơ khắc phục cơ sở kiểm nghiệm sau đánh giá; Biên bản họp xem xét hồ sơ khắc phục của cơ sở kiểm nghiệm sau đánh giá;

Theo đề nghị của Chi cục trưởng Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chỉ định Khoa Xét nghiệm - Chẩn đoán hình ảnh - Thăm dò chức năng (cơ sở 2) thuộc Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Hưng Yên, địa chỉ: Số 113, đường Nguyễn Tông Quai, phường Trần Lãm, tỉnh Hưng Yên, thực hiện kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm đối với các chỉ tiêu kỹ thuật trong Danh mục chỉ tiêu được chỉ định kèm theo Quyết định này.

Mã số cơ sở kiểm nghiệm: 01/2026/HY-KNTP.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực ba (03) năm, kể từ ngày ký.

Điều 3. Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm có trách nhiệm lưu giữ và quản lý hồ sơ đăng ký chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm theo quy định.

Điều 4. Khoa Xét nghiệm - Chẩn đoán hình ảnh - Thăm dò chức năng (cơ sở 2) thuộc Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Hưng Yên có trách nhiệm thực hiện công tác kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước khi có yêu cầu và phải tuân thủ các quy định, hướng dẫn của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Cục An toàn thực phẩm;
- Viện Kiểm nghiệm ATVSTP Quốc gia;
- Sở Y tế các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Sở ATTP Thành phố Hồ Chí Minh;
- Chi cục ATVSTP các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Công TTĐT Chi cục ATVSTP tỉnh Hưng Yên;
- Lưu: VT, ATTP, NVY.



KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Quang Huy

DANH MỤC CHỈ TIÊU ĐƯỢC CHỈ ĐỊNH
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-SYT ngày tháng năm 2026
của Sở Y tế tỉnh Hưng Yên)

TT	Tên chỉ tiêu	Phạm vi áp dụng	Phương pháp thử	Giới hạn phát hiện (nếu có)/ phạm vi đo	Giới hạn định lượng/ phạm vi đo (nếu có)	Ghi chú
A	Lĩnh vực Hóa					
1.	Xác định hàm lượng Mangan (Mn) Phương pháp F-AAS	Nước uống đóng chai	SMEWW 3111B :2023	0,03 mg/L	0,1 mg/L	*
2.	Xác định hàm lượng Asen (As) Phương pháp HG-AAS	Nước uống đóng chai	SMEWW 3114B :2023	0,0003 mg/L	0,001 mg/L	*
3.	Xác định hàm lượng nitrit Phương pháp trắc phổ hấp phụ phân tử.	Nước uống đóng chai	TCVN 6178:1996	0,005 mg/L	NO ₂ : 0,04 mg/L	*
4.	Xác định hàm lượng clor Phương pháp so màu sử dụng N,N-dietyl-1,4-phenylendiamin	Nước uống đóng chai	TCVN 6225-2:2021	0,05 mg/L	0,15 mg/L	*
5.	Xác định hàm lượng Nitrat. Phương pháp trắc phổ dùng axit sunfosalixylic	Nước uống đóng chai	TCVN 6180:1996	0,02 mg/L	NO ₃ : 0,2 mg/L	*
6.	Xác định hàm lượng Chì (Pb) Phương pháp GF-AAS	Nước uống đóng chai	SMEWW 3113B:2023	0,0016 mg/L	0,005 mg/L	*
7.	Xác định hàm lượng Cadimi (Cd) Phương pháp GF - AAS	Nước uống đóng chai	SMEWW 3113B:2023	0,00007 mg/L	0,0002 mg/L	*
8.	Xác định hàm lượng Đồng (Cu) Phương pháp F-AAS	Nước uống đóng chai	SMEWW 3111B:2023	0,03 mg/L	0,1 mg/L	*
9.	Xác định hàm lượng Florua. Phương pháp đo màu	Nước uống đóng chai	QT-32.2025/H LN	0,1 mg/L	0,3 mg/L	*
10.	Xác định hàm lượng cation Ba ²⁺ hòa tan. Phương pháp sắc ký ion IC	Nước uống đóng chai	TCVN 6660: 2000	0,15 mg/L	0,4 mg/L	*
B	Lĩnh vực: Vi sinh					
1.	Định lượng vi sinh vật Kỹ thuật đếm khuẩn lạc ở 30°C	Thực phẩm thuộc quản lý Bộ Y Tế (Không bao	TCVN 4884-1:2015		1 CFU/mL 10 CFU/g	*

TT	Tên chỉ tiêu	Phạm vi áp dụng	Phương pháp thử	Giới hạn phát hiện (nếu có)/ phạm vi đo	Giới hạn định lượng/ phạm vi đo (nếu có)	Ghi chú
		gồm TPBVSK)				
2.	Định lượng Coliforms Kỹ thuật đếm số có xác suất lớn nhất	Thực phẩm thuộc quản lý Bộ Y Tế	TCVN 4882:2007		0 MPN/g/mL	*
3.	Định lượng <i>Escherichia coli</i> giả định Kỹ thuật đếm số có xác suất lớn nhất	Thực phẩm thuộc quản lý Bộ Y Tế (Không bao gồm TPBVSK)	TCVN 6846:2007		0 MPN/g/mL	*
4.	Phương pháp định lượng Staphylococci có phản ứng dương tính với coagulase(<i>Staphylococcus aureus</i> và các loài khác) trên đĩa thạch Kỹ thuật sử dụng môi trường thạch Baird-Parker	Thực phẩm thuộc quản lý Bộ Y Tế	TCVN 4830-1:2005		1 CFU/mL 10 CFU/g	*
5.	Phát hiện <i>Salmonella</i> spp.	Thực phẩm thuộc quản lý Bộ Y Tế (Không bao gồm TPBVSK)	TCVN 10780-1:2017	eLOD50: 3,4 CFU/25g(2 5mL)		*
6.	Định lượng <i>Coliforms</i> Kỹ thuật đếm khuẩn lạc	Thực phẩm thuộc quản lý Bộ Y Tế	TCVN 6848:2007		1 CFU/mL 10 CFU/g	*
7.	Định lượng <i>E. coli</i> dương tính với β-Glucuronidaza Kỹ thuật đếm khuẩn lạc ở 44°C sử dụng 5-Bromo -4-clo-3-indolyl β- Dglucuronid	Thực phẩm thuộc quản lý Bộ Y Tế (Không bao gồm TPBVSK)	TCVN 7924-2:2008		1 CFU/mL 10 CFU/g	*
8.	Định lượng <i>Bacillus cereuse</i> giả định trên đĩa thạch Kỹ thuật đếm khuẩn lạc ở 30°C	Thực phẩm thuộc quản lý Bộ Y Tế	TCVN 4992:2005		1 CFU/mL 10 CFU/g	*
9.	Phương pháp định lượng <i>Clostridium perfringens</i> trên đĩa	Thực phẩm thuộc quản lý Bộ Y Tế	TCVN 4991:2005		1 CFU/mL 10 CFU/g	*

TT	Tên chỉ tiêu	Phạm vi áp dụng	Phương pháp thử	Giới hạn phát hiện (nếu có)/ phạm vi đo	Giới hạn định lượng/ phạm vi đo (nếu có)	Ghi chú
	thạch Kỹ thuật đếm khuẩn lạc					
10.	Định lượng nấm men nấm mốc Kỹ thuật đếm khuẩn lạc trong các sản phẩm có hoạt độ nước lớn hơn 0,95	Thực phẩm thuộc quản lý Bộ Y Tế (Không bao gồm TPBVSK)	TCVN 8275-1:2010		1 CFU/mL 10 CFU/g	*
11.	Định lượng nấm men nấm mốc Kỹ thuật đếm khuẩn lạc trong các sản phẩm có hoạt độ nước nhỏ hơn hoặc bằng 0,95	Thực phẩm thuộc quản lý Bộ Y Tế (Không bao gồm TPBVSK)	TCVN 8275-2:2010		1 CFU/mL 10 CFU/g	*
12.	Phát hiện & đếm vi khuẩn Coliform - Phương pháp màng lọc	Nước uống đóng chai, đá thực phẩm	TCVN 6187-1:2019		1 Vi khuẩn/250 mL/250g	*
13.	Phát hiện & đếm vi khuẩn <i>E.coli</i> - Phương pháp màng lọc	Nước uống đóng chai, đá thực phẩm	TCVN 6187-1:2019		1 Vi khuẩn/250 mL/250g	*
14.	Phát hiện & đếm <i>Pseudomonas aeruginosa</i> - Phương pháp màng lọc	Nước uống đóng chai, đá thực phẩm	TCVN 8881:2011		1 Vi khuẩn/250 mL/250g	*
15.	Phát hiện & đếm khuẩn đường ruột Phương pháp màng lọc	Nước uống đóng chai, đá thực phẩm	TCVN 6189-2:2009		1 Vi khuẩn/250 mL/250g	*
16.	Phát hiện và đếm số bào tử vi khuẩn kỵ khí khử sulfít (Clostridia) Phương pháp màng lọc	Nước uống đóng chai, đá thực phẩm	TCVN 6191-2:1996		1 Vi khuẩn/50m L/50g	*

* Chỉ tiêu đã được đăng ký công nhận đạt tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017, theo Quyết định công nhận số 3537/QĐ-VPCNCLQG ngày 10/12/2025 của Văn phòng Công nhận chất lượng quốc gia.